

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/04/2020)
Ông Đặng Tiến Đức	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 09/05/2020)
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Anh Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên
Ông Chu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Triều	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Phước Huyền Vy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Số: 479/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.433.847.672	183.585.850.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	9.348.815.859	9.721.482.627
1. Tiền	111		9.348.815.859	9.721.482.627
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.4	7.770.000	5.130.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.530.730	20.530.730
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(12.760.730)	(15.400.730)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.831.120.132	162.203.325.151
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	109.198.256.108	141.442.950.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	4.695.282.539	18.613.838.112
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	6.666.088.224	5.311.976.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.728.506.739)	(3.165.439.670)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	10.220.396.891	7.685.872.811
1. Hàng tồn kho	141		10.220.396.891	7.685.872.811
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.025.744.790	3.970.040.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	1.881.039.384	3.247.273.572
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	692.388.263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	144.705.406	30.378.375
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.846.368.983	103.596.574.537
I. Tài sản cố định	220		78.339.921.740	76.877.556.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	78.339.921.740	76.877.556.590
Nguyên giá	222		200.864.392.858	189.403.914.115
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.524.471.118)	(112.526.357.525)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.709.172.506	3.615.305.187
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	1.709.172.506	3.615.305.187
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.4	19.797.780.000	19.797.780.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.637.780.000	19.637.780.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.000.000	60.000.000
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000.000	100.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.999.494.737	3.305.932.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.999.494.737	3.305.932.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		241.280.216.655	287.182.425.336

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.208.657.800	151.243.927.567
I. Nợ ngắn hạn	310		101.709.216.700	128.633.156.467
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	54.693.651.044	63.406.253.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	370.315.600	9.312.889.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	741.528.069	950.759.938
4. Phải trả người lao động	314		1.648.371.393	3.073.071.443
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.726.137	272.965.559
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		554.586.496	135.457.450
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	43.003.029.432	51.062.687.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		512.008.529	419.071.112
II. Nợ dài hạn	330		10.499.441.100	22.610.771.100
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	10.499.441.100	22.610.771.100
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.071.558.855	135.938.497.769
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	129.071.558.855	135.938.497.769
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.099.810.000	89.099.810.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.099.810.000	89.099.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.416.000	49.416.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.752.997.505	7.752.997.505
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.169.335.350	39.036.274.264
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		27.600.659.666	17.348.022.976
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.568.675.684	21.688.251.288
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		241.280.216.655	287.182.425.336

Phê duyệt

Huỳnh Phước Huyền Vy
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phạm Văn Phước
 Kế toán trưởng kiêm người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	246.110.325.348	393.236.444.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.552.728	197.782.728
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		246.102.772.620	393.038.661.748
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	225.447.366.183	350.069.957.363
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.655.406.437	42.968.704.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	870.897.202	856.428.640
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.557.513.609	5.961.439.479
Trong đó, chi phí lãi vay	23		4.560.153.609	5.961.439.479
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	11.751.804.936	13.076.076.746
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.216.985.094	24.787.616.800
10. Thu nhập khác	31		153.562	362.676.528
11. Chi phí khác	32	5.6	648.462.972	526.140.795
12. Lợi nhuận khác	40		(648.309.410)	(163.464.267)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.568.675.684	24.624.152.533
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	-	2.935.901.245
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.568.675.684	21.688.251.288

Phế duyệt



Người lập

Huỳnh Phước Huyền Vy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Phạm Văn Phước
Kế toán trưởng kiêm người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.568.675.684	24.624.152.533
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	15.254.454.117	15.013.554.643
Các khoản dự phòng	03	5.7	560.427.069	406.973.905
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(417.655.362)	(920.974.094)
Chi phí lãi vay	06	5.4	4.560.153.609	5.941.868.449
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.526.055.117	45.065.575.436
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.391.616.994	(7.753.265.802)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.534.524.080)	1.731.587.080
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.882.811.645)	21.392.136.742
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.672.672.211	(2.879.438.958)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.012.010.150)	(5.842.281.168)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(622.550.530)	(3.542.875.786)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.432.696.181)	(2.696.735.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.105.751.736	45.474.702.094
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.824.994.620)	(31.561.472.720)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.568.181.818	64.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	859.363.766	856.428.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.397.449.036)	(30.740.498.626)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	111.420.439.852	186.998.476.630
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(131.591.428.320)	(194.316.948.130)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.909.981.000)	(8.909.981.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.080.969.468)	(16.228.452.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(372.666.768)	(1.494.249.032)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.721.482.627	11.215.731.659
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	9.348.815.859	9.721.482.627



Phê duyệt

Người lập

Huỳnh Phước Huyền Vy
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Phạm Văn Phước
 Kế toán trưởng kiêm người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Parcific Dinco được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 321032000105 ngày 05 tháng 01 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 23 tháng 04 năm 2020, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Ngày 14 tháng 05 năm 2015, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/2015/GCNCP-VSD ngày 14 tháng 05 năm 2015 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Ngày 02 tháng 07 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội theo quyết định số 407/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 07 năm 2015 của Tổng Giám đốc sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 89.099.810.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	Việt Nam	19.367.560.000	21,74	19.367.560.000	21,74
Các cổ đông khác	Việt Nam	69.732.250.000	78,26	69.732.250.000	78,26
Cộng		89.099.810.000	100	89.099.810.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 204 (31/12/2019: 233).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất bê tông thương phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công cảnh quan sân vườn;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa. Chi tiết: trồng và chăm sóc cây cảnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Bán buôn hóa chất, phụ gia xử lý chống thấm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	H42/3 K97 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	76,27%	76,27%	76,27%
Công ty Cổ phần Bê tông Dingo Chu Lai	KCN và Hậu cần cảng Tam Hiệp, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	98,04%	98,04%	98,04%

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 là:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago tại Quảng Ngãi	Lô CN 08 – KCN Tịnh Phong, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 kể từ đầu năm 2020 cho đến ngày lập báo cáo tài chính vẫn chưa chấm dứt. Dịch COVID-19 lây lan trên phạm vi toàn thế giới và các quy định về hạn chế đi lại không những ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn tác động đến nền kinh tế cộng đồng. Đặc biệt, việc bùng phát trở lại của dịch COVID-19 tại Đà Nẵng từ cuối tháng 07 năm 2020 đã gây ra nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty. Doanh thu của Công ty vì vậy sụt giảm mạnh trong năm 2020. Công ty cũng đã cố gắng tìm cách tiết giảm các chi phí hoạt động.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
▪ Tài sản cố định khác	3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 28 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, và chi phí thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

Đối với dự án Nhà máy sản xuất gạch nhẹ chưng áp không nung ACC và bê tông thương phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu có doanh thu, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% từ năm 2023 đến năm 2031.

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định theo nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 16/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN và nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ bán bê tông thương phẩm, đá, bơm bê tông và vận chuyển: 10%;
- Các dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	182.010.397	1.171.643.819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.166.805.462	8.549.838.808
Cộng	9.348.815.859	9.721.482.627

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 7	30.278.476.665	70.732.031.071
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty CP Sông Đà 5	9.284.390.850	-
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Lê	7.003.967.500	3.088.827.000
Công ty CP D&D Engineering Construction	5.165.605.000	-
Công ty CP Phát triển Thương mại và Xây dựng Sơn Hải	4.413.041.500	-
Công ty TNHH Công trình Kiến trúc Thứ Năm- Tập đoàn Công trình Kiến trúc Quảng Tây (Đà Nẵng)	4.217.102.500	4.217.102.500
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	3.065.608.650	-
Các khách hàng khác	45.770.063.443	63.404.989.639
Cộng	109.198.256.108	141.442.950.210

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 7	4.000.000.000	4.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Ercal Findik Otomotiv Sanayi Ve Tic. A . S .	-	6.991.018.000
Putzmeister South East Asia CT Pte Ltd	-	6.812.969.800
Các nhà cung cấp khác	695.282.539	809.850.312
Cộng	4.695.282.539	18.613.838.112

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	20.530.730	7.770.000	(12.760.730)	20.530.730	5.130.000	(15.400.730)

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-

Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu số CTG1929T2/01_3489. Số lượng trái phiếu: 10; mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi suất: theo quy định các Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu năm 2029, lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Ngày phát hành là ngày 27 tháng 09 năm 2019, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 09 năm 2029.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai (**)	11.247.780.000	-	(*)	11.247.780.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	8.390.000.000	-	(*)	8.390.000.000	-	(*)
Cộng	19.637.780.000	-		19.637.780.000	-	

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Hà Tĩnh	60.000.000	-	(*)	60.000.000	-	(*)
---------------------------------------	------------	---	-----	------------	---	-----

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	12.570.648.257	8.842.141.518	4.019.665.670	854.226.000

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu là thấp vì các khoản công nợ này đã phát sinh từ các năm trước nhưng không thu hồi được.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Thép Dana UC	707.041.000	212.112.300	Từ 2 - 3 năm	707.041.000	353.520.500	Từ 1 - 2 năm
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Hưng Thịnh Tài	651.750.000	195.525.000	Từ 2 - 3 năm	651.750.000	325.875.000	Từ 2 - 3 năm
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (Nút mạng VT)	439.274.772	-	Trên 3 năm	439.274.772	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	364.935.000	109.480.500	Từ 2 - 3 năm	364.935.000	109.480.500	Từ 2 - 3 năm
Công ty CP Kiến trúc Cảnh quan Mạnh Cường An	358.566.898	-	Trên 3 năm	358.566.898	-	Trên 3 năm
Công ty APIC Sài Gòn	267.415.000	-	Trên 3 năm	267.415.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng PMC	265.802.500	-	Trên 3 năm	265.802.500	-	Trên 3 năm
Công ty Xây dựng Hùng Sơn (TNHH)	253.285.000	177.299.500	Từ 6 tháng – 1 năm	-	-	
Xí nghiệp Cầu 18 – Cienco 1	217.292.989	-	Trên 3 năm	241.140.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Hamrmoney)	193.747.500	-	Trên 3 năm	193.747.500	-	Trên 3 năm
Cty TNHH Thanh Thu	122.080.000	-	Trên 3 năm	122.080.000	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	8.729.457.598	8.147.724.218	Từ 6 tháng – trên 1 năm	407.913.000	65.350.000	Từ 6 tháng – trên 1 năm
Cộng	12.570.648.257	8.842.141.518		4.019.665.670	854.226.000	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	5.183.531.911	-	1.841.504.768	-
Ký cược, ký quỹ	1.252.945.574	-	3.234.878.162	-
Phải thu khác	229.610.739	-	235.593.569	-
Cộng	6.666.088.224	-	5.311.976.499	-

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.094.722.946	-	7.648.848.994	-
Công cụ, dụng cụ	37.023.817	-	37.023.817	-
Hàng hóa	88.650.128	-	-	-
Cộng	10.220.396.891	-	7.685.872.811	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trạm trộn Tịnh Phong	1.709.172.506	1.507.857.253
Văn phòng trạm Hòa Cẩm	-	450.415.227
Mua sắm TSCĐ	-	1.657.032.707
Cộng	1.709.172.506	3.615.305.187

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	9.044.011.205	43.694.092.740	135.714.260.922	847.435.685	104.113.563	189.403.914.115
Mua trong năm	108.454.545	1.881.947.054	13.821.442.833	72.172.727	-	15.884.017.159
Đầu tư XDCB hoàn thành	108.942.655	2.500.069.231	238.098.256	-	-	2.847.110.142
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.270.648.558)	-	-	(7.270.648.558)
Tại ngày 31/12/2020	9.261.408.405	48.076.109.025	142.503.153.453	919.608.412	104.113.563	200.864.392.858
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	5.446.960.791	29.532.010.431	76.911.233.123	624.491.716	11.661.464	112.526.357.525
Khấu hao trong năm	848.534.286	3.678.775.939	10.584.092.027	108.347.344	34.704.521	15.254.454.117
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.256.340.524)	-	-	(5.256.340.524)
Tại ngày 31/12/2020	6.295.495.077	33.210.786.370	82.238.984.626	732.839.060	46.365.985	122.524.471.118
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	3.597.050.414	14.162.082.309	58.803.027.799	222.943.969	92.452.099	76.877.556.590
Tại ngày 31/12/2020	2.965.913.328	14.865.322.655	60.264.168.827	186.769.352	57.747.578	78.339.921.740

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của TSCĐ hữu hình với số tiền 69.645.995.982 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 65.388.311.087 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	729.322.652	2.427.448.990
Chi phí mua bảo hiểm	615.295.813	579.224.171
Chi phí sử dụng đường bộ, kiểm định xe	247.135.317	200.062.778
Chi phí thuê đất	249.167.592	40.537.633
Các khoản khác	40.118.010	-
Cộng	1.881.039.384	3.247.273.572
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất (*)	2.576.833.509	2.674.747.917
Công cụ dụng cụ xuất dùng	386.595.492	495.937.757
Chi phí sửa chữa	36.065.736	135.247.086
Cộng	2.999.494.737	3.305.932.760

(*) Tiền thuê đất tại KCN Tịnh Phong theo hợp đồng số 03/2019/HĐ-TLĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019, thời hạn thuê đất là 28 năm, từ ngày 25 tháng 04 năm 2019 đến ngày 25 tháng 04 năm 2047.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	4.923.201.343	4.923.201.343	7.780.614.000	7.780.614.000
Phải trả cho người bán:				
Công ty HH Xi măng LUKS Việt Nam	23.117.888.496	23.117.888.496	19.931.535.579	19.931.535.579
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đại Hoàng	4.932.041.800	4.932.041.800	381.168.600	381.168.600
Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Trâm Anh Tuấn	4.554.560.415	4.554.560.415	6.861.455.100	6.861.455.100
Công ty TNHH MTV An Trung Phúc	3.376.241.000	3.376.241.000	5.892.245.000	5.892.245.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng An Tín Phát	1.706.116.300	1.706.116.300	2.816.020.000	2.816.020.000
Công ty TNHH Thành Ngo	1.371.969.500	1.371.969.500	2.264.430.000	2.264.430.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Đông Đô	1.304.841.400	1.304.841.400	2.559.094.500	2.559.094.500
Công ty CP Xăng dầu Hòa Mỹ	1.138.544.500	1.138.544.500	1.475.900.200	1.475.900.200
Xí nghiệp Kinh doanh Kim Khí Số 7 - Công ty CP Kim Khí Miền Trung	691.964.081	691.964.081	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	7.576.282.209	7.576.282.209	13.443.790.304	13.443.790.304
Cộng	54.693.651.044	54.693.651.044	63.406.253.283	63.406.253.283

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	-	6.148.368.182
Người mua trả tiền trước:		
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – CTCP	226.090.000	2.000.000.000
Các khách hàng khác	144.225.600	1.164.521.600
Cộng	370.315.600	9.312.889.782

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	741.528.069	4.678.308.076	4.264.989.415	-	328.209.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	622.550.530	-	622.550.530
Thuế thu nhập cá nhân	144.705.406	-	460.062.736	574.389.767	30.378.375	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	5.695.200	5.695.200	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	144.705.406	741.528.069	5.149.066.012	5.472.624.912	30.378.375	950.759.938

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn là bên liên quan – Xem thêm mục 7 Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN ĐN	6.289.428.182	6.289.428.182	6.289.428.182	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN ĐN	14.385.140.000	14.385.140.000	40.674.940.420	52.153.330.420	25.863.530.000	25.863.530.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN ĐN	16.775.120.000	16.775.120.000	28.037.560.000	32.461.597.900	21.199.157.900	21.199.157.900
Cộng	43.003.029.432	43.003.029.432	122.531.769.852	130.591.428.320	51.062.687.900	51.062.687.900
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN	2.022.268.500	2.022.268.500	-	7.636.210.000	9.658.478.500	9.658.478.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN ĐN	8.477.172.600	8.477.172.600	-	4.475.120.000	12.952.292.600	12.952.292.600
Cộng	10.499.441.100	10.499.441.100	-	12.111.330.000	22.610.771.100	22.610.771.100
Tổng cộng	53.502.470.532	53.502.470.532	122.531.769.852	142.702.758.320	73.673.459.000	73.673.459.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01/2020-HĐCVHM/NHCT480-DUFAGO có thời hạn 5 tháng, lãi suất là 6,5%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình của Công ty – Xem thêm mục 4.9.
- Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 61/2020/VCB-KHDN có thời hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,5% đến 6,5%/năm với mục đích tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không phụ vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định và được thế chấp, đảm bảo bằng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai và tài sản cố định hữu hình của Công ty – Xem thêm mục 4.4 và 4.9.
- Khoản vay từ Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai theo hợp đồng vay số 03/2020/HĐVV-Dinco Chu Lai có thời hạn 1 năm, lãi suất 6%/năm, từ khoản tạm ứng trước tiền mua hàng theo hợp đồng số 01-2019/HĐKT ngày 01 tháng 01 năm 2019 chuyển sang khoản vay do Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

Vay dài hạn được chi tiết như sau:

- Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có thời hạn từ 3 đến 5 năm, lãi suất từ 9,3% đến 11,0%/ năm, với mục đích mua xe và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty – Xem thêm mục 4.9.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	89.099.810.000	49.416.000	7.752.997.505	28.432.868.964	125.335.092.469
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.688.251.288	21.688.251.288
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	(2.174.864.988)	(2.174.864.988)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(8.909.981.000)	(8.909.981.000)
Tại ngày 01/01/2020	89.099.810.000	49.416.000	7.752.997.505	39.036.274.264	135.938.497.769
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.568.675.684	4.568.675.684
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	(2.525.633.598)	(2.525.633.598)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(8.909.981.000)	(8.909.981.000)
Tại ngày 31/12/2020	89.099.810.000	49.416.000	7.752.997.505	32.169.335.350	129.071.558.855

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	19.367.560.000	19.367.560.000
Các cổ đông khác	69.732.250.000	69.732.250.000
Cộng	89.099.810.000	89.099.810.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.909.981	8.909.981
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.909.981	8.909.981
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.909.981	8.909.981

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Cổ tức đã trả

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã trả	(8.909.981.000)	(8.909.981.000)

4.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	7.752.997.505
Tại ngày 31/12/2020	7.752.997.505

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	215.242.972.183	382.395.141.825
Doanh thu bán hàng hóa	30.592.775.627	10.103.201.286
Doanh thu cung cấp dịch vụ	274.577.538	738.101.365
Cộng	246.110.325.348	393.236.444.476
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	74.045.018.136	119.803.251.283

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	205.728.232.176	339.228.654.712
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.719.134.007	10.103.201.286
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	738.101.365
Cộng	225.447.366.183	350.069.957.363

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	24.781.578	17.128.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia	839.000.000	839.300.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.115.624	-
Cộng	870.897.202	856.428.640

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	4.560.153.609	5.941.868.449
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.640.000)	10.870.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	8.701.030
Cộng	4.557.513.609	5.961.439.479

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.280.794.068	5.790.369.773
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	208.947.999	1.704.933.105
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.033.119.315	1.053.984.625
Thuế, phí và lệ phí	33.635.456	50.719.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.469.780.816	2.718.545.744
Chi phí bằng tiền khác	1.162.460.213	1.361.420.393
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.860.269.369	734.669.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(338.565.095)
Cộng	11.751.804.936	13.076.076.746

5.6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	446.126.216	-
Các khoản bị phạt	119.280.744	156.147.500
Các khoản khác	83.056.012	369.993.295
Cộng	648.462.972	526.140.795

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.536.616.322	279.857.993.389
Chi phí nhân công	26.276.373.043	32.510.313.402
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.254.454.117	15.013.554.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.682.134.382	11.716.905.984
Chi phí khác bằng tiền	3.036.647.896	13.151.857.595
Chi phí dự phòng	560.427.069	406.973.905
Cộng	211.346.652.829	352.657.598.918

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.568.675.684	24.624.152.533
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	857.030.740	2.100.588.192
- Chi phí không được trừ	473.030.740	981.929.192
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	384.000.000	384.000.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi thiếu hồ sơ	-	734.659.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(839.000.000)	(1.177.865.095)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(839.000.000)	(839.300.000)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(338.565.095)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.586.706.424	25.546.875.630
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động không được ưu đãi	(129.560.840)	14.679.506.225
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động được ưu đãi	4.716.267.264	10.867.369.405
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi	-	2.935.901.245
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động được ưu đãi	471.626.726	1.086.736.940
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm của hoạt động kinh doanh được ưu đãi	(471.626.726)	(1.086.736.940)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm	-	2.935.901.245

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	111.420.439.852	186.998.476.630

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(131.591.428.320)	(194.316.948.130)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	Công ty con
3. Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	Công ty con
4. Công ty CP Xây dựng FI DI	Công ty con của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	27.337.155.165	61.469.474.571
Công ty CP Xây dựng FI DI	2.941.321.500	9.262.556.500
	30.278.476.665	70.732.031.071
Cộng – Xem thêm mục 4.2		
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty CP Xây dựng FI DI	4.000.000.000	4.000.000.000
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	(4.601.903.663)	(7.763.014.000)
Công ty CP Bê Tông Dinco Chu Lai	(309.078.000)	(17.600.000)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng	(12.219.680)	-
	(4.923.201.343)	(7.780.614.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.11		

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12:		
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	-	(6.148.368.182)
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả khác ngắn hạn:		
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	(95.116.832)	-
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.14:		
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	(6.289.428.182)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	73.404.903.415	102.689.578.773
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	-	5.053.457.507
Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	-	3.345.454
Công ty CP Xây dựng FI DI	640.114.721	12.056.869.549
	74.045.018.136	119.803.251.283
Cộng – Xem thêm mục 5.1		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	(366.687.576)	(394.232.551)
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	(513.125.454)	(5.489.798.250)
Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	(7.495.509.922)	(16.923.347.718)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	(46.526.057)	-
	(8.421.849.009)	(22.807.378.519)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	108.000.000	72.000.000
Ông Đặng Tiến Đức	Phó chủ tịch HĐQT	657.583.834	747.365.077
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên	84.000.000	120.000.000
Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Triều	Phó Tổng Giám đốc	292.563.750	346.441.537
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc	221.755.416	268.502.691
		1.507.903.000	1.698.309.305
Cộng			

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động:			
Ông Lê Anh Long	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Chu Văn Tuấn	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Quang Trung	Thành viên	36.000.000	36.000.000
		168.000.000	168.000.000
Cộng			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Người lập

Huỳnh Phước Huyền Vy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Phạm Văn Phước
Kế toán trưởng kiêm người lập

